

Bản án số: 95/2024/DS-PT

Ngày: 29/01/2024

Về việc Tranh chấp thừa kế về tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa: Ông Lê Ngọc Tường

Các Thẩm phán: 1. Bà Nguyễn Thị Huyền
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 24 và 29/01/2024, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 668/2023/TLPT-DS ngày 11/12/2023, về việc “Tranh chấp thừa kế về tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 437/2023/DS-ST ngày 24/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 6122/2023/QĐXXPT-DS ngày 25/12/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hồ Thị C, sinh năm: 1974 (có mặt)

Địa chỉ: Số A đường N, ấp P, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Hồ Văn K, sinh năm: 1967 (có mặt)

Địa chỉ: Số G Tỉnh lộ 15, Tổ C, ấp B, xã N, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Hồ Thị Đ, sinh năm: 1960 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp D, Tổ B, xã A, huyện B, tỉnh Bình Dương.

3.2. Ông Hồ Văn M, sinh năm: 1964 (có mặt)

Địa chỉ: G Đường T, ấp B, xã N, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.3. Bà Hồ Thị L, sinh năm: 1971 (có mặt)

Địa chỉ: A đường N, ấp B, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.3. Ông Hồ Chí C1, sinh năm: 1995 (có mặt)

3.4. Bà Hồ Cẩm N, sinh năm: 1993 (có mặt)

3.5. Ông Huỳnh Minh L1, sinh năm: 1993 (vắng mặt)

3.6. Bà **H Ê B**, sinh năm: 1996 (vắng mặt)

3.7. Trẻ **Huỳnh Thị Trúc G**, sinh năm 2020

Người đại diện theo pháp luật của trẻ **G**: bà **Hồ Cẩm N** (có mặt) và ông **Huỳnh Minh L1** (vắng mặt).

3.8. Trẻ **Êban Hồ Quốc V**, sinh năm 2019

Người đại diện theo pháp luật của trẻ **V**: ông **Hồ Chí C1** (có mặt) và bà **H Ê Ban** (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: **Số G Tỉnh lộ 15, Tổ C, ấp B, xã N, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.**

Người kháng cáo: Ông **Hồ Văn K.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 13/6/2022 và các bản tự khai của **Hồ Thị C**, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà **Hồ Thị C** trình bày:

Cha tôi là ông **Hồ Văn N1** là liệt sĩ, mất năm 1972 và mẹ tôi là bà **Hồ Thị B1**, sinh năm 1945, mất ngày 25/4/2021, theo Giấy khai tử số 30 ngày 27/4/2021. Cha mẹ tôi có tất cả 05 người con chung gồm: bà **Hồ Thị C**, bà **Hồ Thị Đ**, bà **Hồ Văn M**, bà **Hồ Thị L** và ông **Hồ Văn K**.

Mẹ tôi có tạo lập được tài sản là Thửa đất số 36, tờ bản đồ số 20 (theo tài liệu năm 2000), diện tích 4.637m², **xã N, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh**, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 505168, số vào sổ: 1275/QSDĐ/số 25 do **Ủy ban nhân dân huyện C** cấp ngày 15/6/1998 do mẹ tôi là bà **Hồ Thị B1** đứng tên.

Khi còn sống, mẹ tôi đã chuyển nhượng một phần Thửa đất số 36 cho các ông bà sau: Ông **Ngô Thành T**, diện tích 1.278m²; bà **Ngô Thị Kim C2**, diện tích 1.771m²; bà **Hồ Thị L**, diện tích 640m² và ông **Hồ Văn M**, diện tích 481,8m². Phần nhà đất còn lại có diện tích 466,2m² là nơi mẹ tôi một mình sinh sống và cư ngụ cho đến khi mất. Sau khi mẹ tôi mất, thì ông **Hồ Văn K** và con trai ông là **Hồ Chí C1** tự ý đến phần nhà đất mà mẹ tôi để lại rồi tự ý thay khóa cửa và chiếm dụng, không cho tôi và các anh chị em khác vào.

Tôi và các anh chị em đã nhiều lần đề nghị ông **Hồ Văn K** phải mở cửa phần nhà đất mà mẹ để lại để chúng tôi vào nhang đèn cho mẹ, nhưng **Hồ Văn K** không đồng ý. Chúng tôi cũng nhiều lần nói chuyện và muốn ông **Hồ Văn K** cùng chúng tôi thỏa thuận để phân chia phần di sản thừa kế do mẹ để lại và đứng tên đồng sở hữu, nhưng ông **K** nhất quyết không chịu và buộc chúng tôi phải để phần đất này cho ông **K**. Cho đến nay, ông **K** và con trai ông vẫn đang chiếm dụng phần nhà đất mà mẹ tôi để lại và nhất quyết không chịu phân chia di sản do mẹ tôi để lại cho tôi và các đồng thừa kế khác. Hành vi của ông **Hồ Văn K** đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của tôi và những người thừa kế khác.

Sau khi đo đạc, thì hiện trạng phần diện tích đất còn lại của T1 đất số 36 (theo tài liệu năm 2000) là 332,1m², nay thuộc một phần Thửa đất số 07, Tờ bản đồ số 9 (theo tài liệu năm 2004), xã N, huyện C, theo Bản đồ hiện trạng vị trí ngày 05/12/2022 của Công ty TNHH MTV T2 (nay viết tắt là Thửa đất số 07).

Tôi thống nhất chia di sản thừa kế của mẹ tôi là bà Hồ Thị B1 chết để lại là Thửa đất số 07, diện tích 332,1m². Đề nghị chia thành 05 phần bằng nhau, chia giá trị đất bằng tiền, giao nhà đất này lại cho ông Hồ Văn K tiếp tục sử dụng. Ông K nhận nhà đất hoàn trả lại phần di sản thừa kế cho các đồng thừa kế khác bằng tiền, theo giá của Hội đồng định giá tài sản do Tòa án đã thành lập và định giá. Bà C đồng ý giao căn nhà gắn liền với đất cho ông K quản lý, sử dụng, không yêu cầu chia căn nhà này.

Bị đơn ông Hồ Văn K trình bày:

Tôi thống nhất với lời trình bày của bà Hồ Thị C về nguồn gốc diện tích nhà đất tranh chấp và huyết thống trong gia đình như sau: Cha tôi là ông Hồ Văn N1, là liệt sĩ mất năm 1972 và mẹ tôi là bà Hồ Thị B1, sinh năm: 1945, mất ngày 25/4/2021 theo Giấy khai tử số 30 ngày 27/4/2021. Cha mẹ tôi có tất cả 04 người con chung gồm: Hồ Thị Đ, Hồ Văn M, Hồ Thị L và Hồ Văn K. Riêng bà Hồ Thị C mặc dù giấy khai sinh ghi là con của ông N1 và bà B1 nhưng thực tế là con riêng của bà B1, chứ không phải con chung.

Căn nhà cấp 4 và diện tích đất 332,1m², thuộc một phần Thửa đất số 7, Tờ bản đồ số 9, xã N, huyện C, theo Bản đồ hiện trạng vị trí ngày 05/12/2022 của Công ty TNHH MTV T2 bản đồ Hoàng Thịnh đúng là của mẹ tôi là Hồ Thị B1, khi còn sống mẹ tôi đã cho tôi nên tôi không đồng ý chia thừa kế theo đơn khởi kiện của bà C. Ngoài ra, những anh chị em khác đã được mẹ khi còn sống cho đất và đã bán hết nên không có quyền yêu cầu chia di sản phần đất nêu trên. Hiện nay, nhà và đất tôi cùng các con Hồ Cẩm N, Hồ Minh L2, Hồ Chí C1 và H'Ngân Ê Ban sinh sống trên đất. Quá trình sinh sống, tôi cùng hai con có cùng góp tiền, công sức tôn tạo, sửa chữa căn nhà này.

Đối với giá trị đất và tài sản trên đất mà Hội đồng định giá tài sản do Tòa án đã thành lập và định giá tôi thống nhất, không yêu cầu định giá lại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị Đ, ông Hồ Văn M, bà Hồ Thị L cùng thống nhất lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị C. Xác định bà C là con chung của ông N1 và ông M.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Chí C1, bà Hồ Cẩm N thống nhất lời trình bày của ông Hồ Văn K.

Tại bản án sơ thẩm số 437/2023/DS-ST ngày 24/8/2023, Tòa án nhân dân huyện Củ Chi đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị C.

2. Xác định người thừa kế theo pháp luật của bà **Hồ Thị B1**, sinh năm 1945, chết ngày 25/4/2021 gồm có: Bà **Hồ Thị C**, bà **Hồ Thị Đ**, ông **Hồ Văn M**, bà **Hồ Thị L** và ông **Hồ Văn K**.

3. Công nhận di sản thừa kế theo pháp luật của bà **Hồ Thị B1** chết để lại là:

Phần đất diện tích 332,1m², thuộc một phần Thửa đất số 07, Tờ bản đồ số 09, xã N, huyện C, theo Bản đồ hiện trạng vị trí ngày 05/12/2022 của **Công ty TNHH MTV T2** (đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 505168, sổ vào sổ 1275/QSĐĐ/số 25 ngày 15/6/1998 đứng tên bà **Hồ Thị B1**) là di sản thừa kế của bà **Hồ Thị B1**.

4. Chia di sản thừa kế theo pháp luật của bà **Hồ Thị B1** đối với diện tích đất nêu trên như sau:

Giao cho ông **Hồ Văn K** được toàn quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 332,1m² (trên đất có một căn nhà cấp 4), thuộc một phần Thửa đất số 07, Tờ bản đồ số 09, xã N, huyện C (trên theo Bản đồ hiện trạng vị trí ngày 05/12/2022 của **Công ty TNHH MTV T2**).

Ông **Hồ Văn K** phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà **Hồ Thị C**, ông **Hồ Văn M**, bà **Hồ Thị Đ** và bà **Hồ Thị L** mỗi người 531.360.000đ (năm trăm ba mươi một triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền được trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

5. Bà **Hồ Thị C** phải có trách nhiệm giao ông **Hồ Văn K** bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: M 505168, sổ vào sổ: 1275/QSĐĐ/số 25 ngày 15/6/1998 đứng tên bà **Hồ Thị B1**, để ông **K** tiến hành thủ tục chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Thi hành ngay khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

6. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà **Hồ Thị Đ** là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí.

Bà **Hồ Thị C**, ông **Hồ Văn K**, bà **Hồ Thị L**, ông **Hồ Văn M** mỗi người phải chịu 25.254.400đ (hai mươi lăm triệu hai trăm năm mươi bốn nghìn bốn trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà **Hồ Thị C** được khấu trừ số tiền 14.000.000đ (mười bốn triệu đồng) bà **C** đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0044976 ngày 07/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi. Bà **C** còn phải nộp 11.254.000 (mười một triệu hai trăm năm mươi bốn nghìn đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 05/9/2023, ông **Hồ Văn K** là bị đơn nộp đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Bị đơn ông **Hồ Văn K** kháng cáo không đồng ý chia thừa kế di sản của mẹ của ông là bà **Hồ Thị B1** để lại là phần diện tích đất 332,1m² thuộc một phần thửa đất số 7, tờ bản đồ số 9, xã N, huyện C, theo Bản đồ hiện trạng vị trí do Công ty TNHH MTV T2 lập ngày 05/12/2022, vì các anh chị của ông là bà **Hồ Thị Đ**, ông **Hồ Văn M**, bà **Hồ Thị L**, bà **Hồ Thị C** trước đây đã được bà **B1** đã chia mỗi người một phần đất. Đồng thời, nhà đất nêu trên bà **B1** đã cho ông để lại làm nơi thờ cúng ông bà. Do đó, ông yêu cầu Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Nguyên đơn bà **Hồ Thị C** và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Hồ Thị Đ**, ông **Hồ Văn M**, bà **Hồ Thị L** yêu cầu không chấp nhận kháng cáo của ông **Hồ Văn K** và yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông **Hồ Chí C1** và bà **Hồ Cẩm N** thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của bị đơn ông **Hồ Văn K**.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu: Từ khi thụ lý giải quyết vụ án phúc thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc giải quyết vụ án. Đồng thời, các đương sự trong vụ án thực hiện các quyền và chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của ông **Hồ Văn K** không đồng ý chia thừa kế di sản của bà **Hồ Thị B1** để lại là phần diện tích đất 332,1m² thuộc một phần thửa đất số 7, tờ bản đồ số 9, xã N, huyện C, với lý do: các anh chị của ông trước đây đã được bà **B1** chia mỗi người một phần đất và nhà đất nêu trên bà **B1** đã cho ông để lại làm nơi thờ cúng ông bà. Tuy nhiên, ông **K** không xuất trình được chứng cứ chứng minh bà **B1** đã chia đất cho bà **Đ**, ông **M**, bà **L**, bà **C** và phần diện tích đất nêu trên đã được bà **B1** cho ông để lại làm nơi thờ cúng ông bà.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông **Hồ Văn K** và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1275 QSDĐ/số 25 ngày 15/6/1998 ngày 09/12/2009 của Ủy ban nhân dân huyện C thể hiện: Bà **Hồ Thị B1** được quyền sử dụng 4.637m²

đất, thửa số 36, số tờ 20, tại xã N, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, mục đích sử dụng: thổ vườn (bút lục số 121 – 122).

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự bà Hồ Thị C, ông Hồ Văn K, bà Hồ Thị Đ, ông Hồ Văn M và bà Hồ Thị L xác nhận thống nhất di sản thừa kế của bà Hồ Thị B1 chết để lại số thửa số 7 (thửa phân chiết 7-1), số thửa đường (thửa phân chiết a), tờ bản đồ số 9, xã N, huyện C (tài liệu đo năm 2004), tổng diện tích 332,1m², theo Bản đồ hiện trạng vị trí do Công ty TNHH MTV T2 lập ngày 05/12/2022 (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1275 QSDĐ/số 25 ngày 15/6/1998 của Ủy ban nhân dân huyện C); thống nhất Bản đồ hiện trạng vị trí do Công ty TNHH MTV T2 lập ngày 05/12/2022 và giá trị quyền sử dụng đất theo Biên bản định giá tài sản do Hội đồng định giá lập ngày 09/11/2022. Đồng thời, thống nhất ông Hồ Văn N1, chết năm 1972 và bà Hồ Thị B1, chết năm 2021, không để lại di chúc.

[3] Căn cứ vào các Giấy khai sinh của bà Hồ Thị C, bà Hồ Thị Đ, ông Hồ Văn M, bà Hồ Thị L và ông Hồ Văn K và lời trình bày của các đương sự có căn cứ xác định bà Hồ Thị Đ, ông Hồ Văn M, bà Hồ Thị L ông Hồ Văn K và bà Hồ Thị C là con ruột của bà Hồ Thị B1.

[4] Ông Hồ Văn K kháng cáo không đồng ý chia thừa kế di sản của mẹ của ông là bà Hồ Thị B1 chết để lại là phần diện tích đất 332,1m² thuộc một phần thửa đất số 7, tờ bản đồ số 9, xã N, huyện C, theo Bản đồ hiện trạng vị trí do Công ty TNHH MTV T2 lập ngày 05/12/2022, với lý do: bà Hồ Thị Đ, ông Hồ Văn M, bà Hồ Thị L, bà Hồ Thị C trước đây đã được bà B1 chia mỗi người một phần đất. Đồng thời, nhà đất nêu trên bà B1 đã cho ông để lại làm nơi thờ cúng ông bà. Tuy nhiên, ông K không xuất trình được chứng cứ chứng minh bà Hồ Thị B1 đã cho ông phần diện tích đất nêu trên để lại làm nơi thờ cúng ông bà. Đồng thời, ông K cũng không xuất trình được chứng cứ chứng minh bà B1 trước khi chết đã chia cho bà Hồ Thị Đ, ông Hồ Văn M, bà Hồ Thị L, bà Hồ Thị C mỗi người một phần đất. Do đó, ông K kháng cáo không đồng ý chia di sản thừa kế của bà Hồ Thị B1 chết để lại là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[5] Án sơ thẩm, xác định di sản thừa kế của bà Hồ Thị B1 chết để lại là phần diện tích đất 332,1m² thuộc một phần thửa đất số 7, tờ bản đồ số 9, xã N, huyện C; xác định hàng thừa kế theo pháp luật của Hồ Thị B1 gồm: Bà Hồ Thị C, bà Hồ Thị Đ, ông Hồ Văn M, bà Hồ Thị L và ông Hồ Văn K và chia di sản thừa kế của bà B1 theo pháp luật mỗi người được nhận 1/5 giá trị và giao cho ông K được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 332,1m², đồng thời ông K có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà C, bà Đ, ông M, bà L mỗi người 531.360.000 đồng là có căn cứ nên giữ nguyên.

[6] Án sơ thẩm, tuyên thi hành ngay khi Bản án có hiệu lực, là không cần thiết, vì đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, trường hợp cần thiết thì phải cưỡng chế thi hành án.

[7] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông **Hồ Văn K** và giữ nguyên bản án sơ thẩm, là có căn cứ nên chấp nhận.

[8] Án phí dân sự phúc thẩm: Do giữ nguyên Bản án sơ thẩm nên ông **Hồ Văn K** phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 và khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 609; Điều 612; Điều 613; Điều 649; Điều 650; Điều 651; Điều 660 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 7 Điều 27; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông **Hồ Văn K**.
2. Giữ nguyên Bản án số 437/2023/DS-ST ngày 24/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.
 - 2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Hồ Thị C**.
 - 2.2. Xác định người thừa kế theo pháp luật của bà **Hồ Thị B1**, sinh năm 1945, chết ngày 25/4/2021 gồm có: Bà **Hồ Thị C**, bà **Hồ Thị Đ**, ông **Hồ Văn M**, bà **Hồ Thị L** và ông **Hồ Văn K**.
 - 2.3. Công nhận di sản thừa kế theo pháp luật của bà **Hồ Thị B1** chết để lại là: Phần đất diện tích 332,1m², thuộc một phần Thửa đất số 7 (thửa phân chiết 7-1, (a)), Tờ bản đồ số 9, **xã N, huyện C**, theo Bản đồ hiện trạng vị trí do **Công ty TNHH MTV T2** lập ngày 05/12/2022 được Trung tâm kiểm định Bản đồ và **T3 – Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H** kiểm tra nội nghiệp ngày 09/12/2022 (đã được **Ủy ban nhân dân huyện C** cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 505168, Vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1275/QSDĐ/số 25 ngày 15/6/1998, đứng tên bà **Hồ Thị B1**) là di sản thừa kế của bà **Hồ Thị B1**.
 - 2.4. Chia di sản thừa kế theo pháp luật của bà **Hồ Thị B1** đối với diện tích đất nêu trên như sau:

Giao cho ông **Hồ Văn K** được toàn quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 332,1m² (trên đất có một căn nhà cấp 4), thuộc một phần Thửa đất số 7, (thửa phân chiết 7-1, (a)), Tờ bản đồ số 9, **xã N, huyện C** theo Bản đồ hiện trạng vị trí do **Công ty TNHH MTV T2** lập ngày 05/12/2022 được Trung tâm kiểm định

Bản đồ và T3 – Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H kiểm tra nội nghiệp ngày 09/12/2022.

Ông Hồ Văn K phải có trách nhiệm thanh toán lại cho bà Hồ Thị C, ông Hồ Văn M, bà Hồ Thị Đ và bà Hồ Thị L mỗi người 531.360.000đ (năm trăm ba mươi một triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền được trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2.5. Bà Hồ Thị C phải có nghĩa vụ giao cho ông Hồ Văn K bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: M 505168, Vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1275QSDĐ/số 25 ngày 15/6/1998 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 15/6/1998, đứng tên bà Hồ Thị B1, để ông Hồ Văn K được quyền liên hệ các cơ quan có thẩm quyền tiến hành thủ tục chuyển quyền sử dụng đất đối với phần đất nêu trên đứng tên ông Hồ Văn K theo quy định của pháp luật.

2.6. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Hồ Thị Đ là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí.

Bà Hồ Thị C, ông Hồ Văn K, bà Hồ Thị L, ông Hồ Văn M mỗi người phải chịu 25.254.400đ (hai mươi lăm triệu hai trăm năm mươi bốn nghìn bốn trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Hồ Thị C được khấu trừ số tiền 14.000.000đ (mười bốn triệu đồng) bà C đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0044976 ngày 07/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi. Bà C còn phải nộp 11.254.000 (mười một triệu hai trăm năm mươi bốn nghìn đồng).

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Hồ Văn K chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) do ông Hồ Văn K nộp theo biên lai thu số 0018044 ngày 08/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- TAND huyện Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu (T/17)



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Ngọc Tường